

BẢN TIN HÀNG NGÀY

11 Tháng 12 2025



VIC tiếp tục điều chỉnh, Vn-Index giảm 20 điểm

- Vn-Index nhìn chung duy trì mức giảm khoảng 20 điểm trong suốt cả ngày giao dịch
- Tâm điểm giao dịch đến từ VIC: giảm khoảng 5% trong phiên sáng, có thời điểm giảm sàn, nhưng mức giảm nhẹ hơn trong phiên chiều, và đóng cửa là cây nến xanh và chỉ còn giảm 1.88%
- Tương tự, hầu hết ngày VPL giao dịch tại giá sàn, nhưng khi đóng cửa cũng là nến xanh và giảm 5%
- Ngược lại, hầu hết mã khác giảm mạnh hơn trong phiên chiều, và số lượng mã giảm cũng gấp 2 lần số lượng mã tăng
- Các nhóm ngành giảm trên diện rộng là: ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, bán lẻ, bất động sản, và khu công nghiệp
- Các mã tác động lớn nhất lên chiều tăng là SAB LPB BMP KBC FPT
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 15.6% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

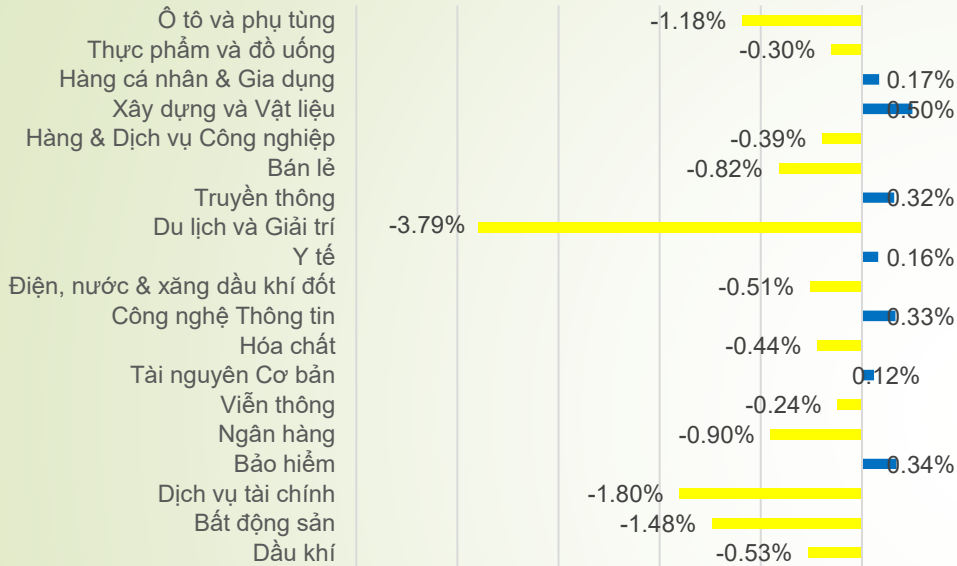


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,698.9	255.9	120.0
(+/-)	-20.08	-0.61	0.88
(%)	-1.17%	-0.24%	0.73%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	481	32	21
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	12,680	861	236
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(424)	(17)	16
Số mã tăng	104	67	109
Số mã giảm	192	73	105
Số mã giá không đổi	75	59	92

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.31	1.28
2	Nguyên vật liệu	15.38	1.54
3	Công nghiệp	12.32	1.96
4	Hàng Tiêu dùng	17.55	2.57
5	Dược phẩm và Y tế	17.76	1.69
6	Dịch vụ Tiêu dùng	25.96	4.27
7	Viễn thông	20.79	5.30
8	Tiện ích Cộng đồng	13.50	1.71
9	Tài chính	25.41	2.62
10	Ngân hàng	9.89	1.60
11	Công nghệ Thông tin	17.97	3.67

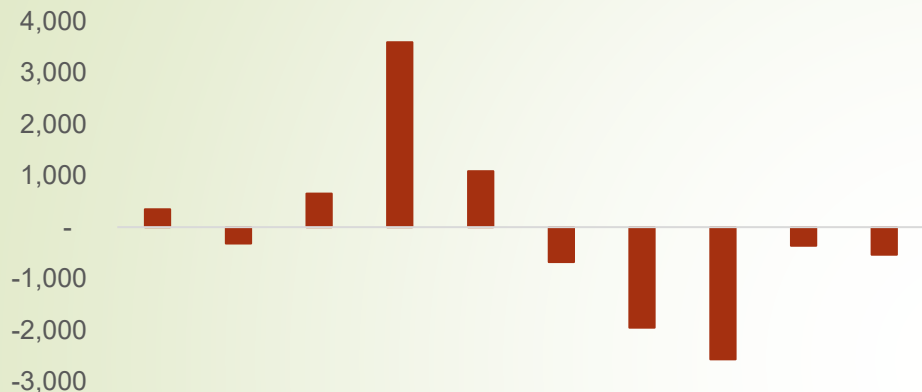
- Hôm nay dù số lượng mã giảm lớn, nhưng đa phần chỉ giảm rất nhẹ
- Thanh khoản đã ở vùng thấp nhất của năm 2025, tâm lý chán nản đã bao trùm trên diện rộng
- VIC VHM VPL giảm điểm chắc chắn sẽ có 1 số tác động tâm lý tới nhà đầu tư, khiến các mã khác khó tăng. Tuy nhiên, sau khi VIC bước vào giai đoạn điều chỉnh xong và đi ngang, chúng tôi tin rằng các mã khác sẽ có chuyển biến tích cực
- Thời điểm hiện tại cũng không có gì nhiều để nhận định nữa. Nhà đầu tư mua vào vì cơ bản, giá trị cổ phiếu đã đến vùng hợp lý. Mua theo cơ bản thì cần sự kiên nhẫn và chờ đợi ngày thị trường bùng nổ về giá trị thật.
- Các nhóm ngành đã giảm về vùng hấp dẫn để đầu tư là ngân hàng, chứng khoán, bất động sản

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
NAB	0.70%	QCG	6.82%	VIX	1.74%	BAF	1.88%	BMP	7.00%	ACG	0.29%	PGV	1.30%	DCM	-0.15%
LPB	0.68%	KBC	2.26%	VDS	0.00%	DBC	1.87%	CTR	0.48%	NKG	0.00%	GEG	0.71%	DPM	-0.22%
MSB	0.00%	SIP	1.12%	VND	0.00%	SAB	1.55%	VCG	0.41%	HSG	-0.30%	BWE	0.66%	DPR	-0.27%
SSB	0.00%	KOS	0.77%	DSC	0.00%	HAG	0.56%	HTI	0.00%	HPG	-0.38%	TDM	0.52%	CSV	-0.34%
BID	-0.27%	VPI	0.00%	BCG	0.00%	KDC	0.19%	HHV	0.00%	DHC	-0.76%	SHP	0.43%	GVR	-0.37%
OCB	-0.41%	DIG	0.00%	VCI	-0.29%	VCF	0.00%	CTD	0.00%	PTB	-0.97%	CHP	0.25%	VFG	-0.38%
VIB	-0.55%	HDC	0.00%	TVS	-0.32%	VHC	0.00%	VGC	-0.82%			TMP	0.00%	DGC	-0.42%
TPB	-0.59%	KDH	0.00%	ORS	-0.37%	FMC	-0.14%	PC1	-0.92%			NT2	0.00%	PHR	-1.58%
SHB	-0.61%	NLG	-0.14%	HCM	-0.43%	SBT	-0.81%	CII	-0.98%			HNA	0.00%	AAA	-2.43%
ACB	-0.62%	TCH	-0.25%	SSI	-0.68%	ASM	-0.87%					VSH	-0.11%		
CTG	-0.79%	DXG	-0.28%	CTS	-0.71%	PAN	-1.07%					PPC	-0.30%		
TCB	-0.89%	SZC	-0.33%	DSE	-0.97%	ANV	-1.07%					REE	-0.95%		
EIB	-0.89%	HDG	-0.66%	FTS	-1.20%	MCM	-1.12%					GAS	-1.42%		
VCB	-1.03%	SJS	-0.69%	BSI	-1.53%	MSN	-1.17%					POW	-1.63%		
MBB	-1.19%	NVL	-0.69%	AGR	-1.87%	BHN	-1.52%					PGD	-2.07%		
HDB	-1.24%	CRE	-0.87%	EVF	-2.11%	VNM	-2.54%								
STB	-1.85%	DXS	-1.02%												
VPB	-2.93%	BCM	-1.06%												
		PDR	-1.17%												
		VRE	-1.67%												
		VIC	-1.88%												
		VHM	-2.32%												
		IJC	-3.85%												

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	FPT	HOSE	322.86	82.60	240.26
2	MBB	HOSE	155.44	84.12	71.32
3	VIX	HOSE	53.84	2.26	51.58
4	VPL	HOSE	91.79	42.08	49.70
5	HPG	HOSE	93.34	59.54	33.80
6	CTG	HOSE	55.28	26.29	28.98
7	FRT	HOSE	62.85	34.94	27.91
8	BMP	HOSE	34.72	7.81	26.91
9	VJC	HOSE	40.16	13.49	26.68
10	SHS	HNX	22.81	1.37	21.45
11	PVD	HOSE	27.41	8.95	18.46
12	GEE	HOSE	20.12	2.47	17.65
13	VIB	HOSE	16.68	0.79	15.89
14	SAB	HOSE	22.46	7.26	15.20
15	VND	HOSE	23.56	9.92	13.65

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	VIC	HOSE	149.19	341.38	- 192.19
2	STB	HOSE	14.60	173.06	- 158.46
3	VHM	HOSE	79.00	183.91	- 104.91
4	GMD	HOSE	5.20	107.38	- 102.18
5	SHB	HOSE	3.83	67.55	- 63.73
6	ACB	HOSE	23.77	85.09	- 61.32
7	MSN	HOSE	4.24	55.55	- 51.31
8	ACV	UPCoM	0.38	43.31	- 42.93
9	VCB	HOSE	1.25	42.86	- 41.61
10	HDB	HOSE	18.21	59.13	- 40.92
11	SSI	HOSE	9.81	49.82	- 40.01
12	VPB	HOSE	8.28	46.15	- 37.87
13	CEO	HNX	0.04	34.50	- 34.46
14	EIB	HOSE	1.10	18.61	- 17.51
15	DXG	HOSE	2.39	18.19	- 15.80

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	62.21	0.14%	-0.73%	-16.65%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	58.58	0.26%	-0.63%	-18.32%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,264.80	0.63%	1.56%	61.48%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,154	0.00%	0.01%	3.37%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,411	0.00%	0.01%	3.37%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	27,150	0.00%	-0.18%	5.03%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	7.48%	-0.01%	0.04%	3.44%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.06%	0.00%	0.03%	0.94%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.18%	0.00%	0.03%	1.01%

Fed hạ lãi suất 25 bps như dự đoán và báo hiệu chỉ một lần giảm vào năm 2026

Fed đã chính thức cắt giảm lãi suất lần thứ 3 liên tiếp, đưa mức lãi suất điều hành xuống phạm vi 3,5% - 3,75%. Tuy nhiên, quyết định hạ lãi suất 0,25% lần này được đưa ra với 3 phiếu bất đồng. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2017 mà nội bộ Fed xuất hiện mức chia rẽ rõ rệt đến vậy.

Tin vui cho nhà đầu tư: Chủ tịch Fed loại trừ khả năng tăng lãi suất trong tương lai gần

Chí ít thì trong thời gian tới, ngân hàng trung ương Mỹ sẽ không tính đến khả năng tăng lãi suất trở lại.

Lãi suất huy động sẽ nhích thêm 0,5–1% trong vòng ít nhất ba tháng tới

Mặt bằng lãi suất huy động đang bước vào một chu kỳ tăng mới, có thể nhích thêm 0,5–1% trong vòng ít nhất ba tháng tới do áp lực thanh khoản và đặc thù cấu trúc kỳ hạn ngắn. Diễn biến này kéo theo áp lực phải điều chỉnh tăng lãi suất cho vay trong năm tới.

Bản tin doanh nghiệp



Vint

Hòa Phát sắp làm khu công nghiệp hơn 2.800 tỷ ở Hưng Yên, cạnh cao tốc Hà Nội - Hải Phòng

Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt (giai đoạn 1) có quy mô 235 ha, tổng mức đầu tư trên 2.800 tỷ đồng, trong đó vốn góp của nhà đầu tư khoảng 423 tỷ đồng (chiếm 15%), do đơn vị thành viên của Tập đoàn Hòa Phát làm chủ đầu tư.



Gần 1.07 tỷ cp MCH được chấp thuận niêm yết lên HOSE

HOSE thông báo chấp thuận niêm yết gần 1.07 tỷ cp MCH của CTCP Hàng tiêu dùng Masan (Masan Consumer), tương ứng vốn điều lệ 10,676 tỷ đồng.



Công ty của ông Đặng Thành Tâm muốn chào bán hơn 148 triệu cp với giá 10.000 đồng/cp

SGT dự kiến phát hành hơn 148 triệu cp, tỷ lệ thực hiện quyền 1:1, tức mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá 10,000/cp. Số cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng.

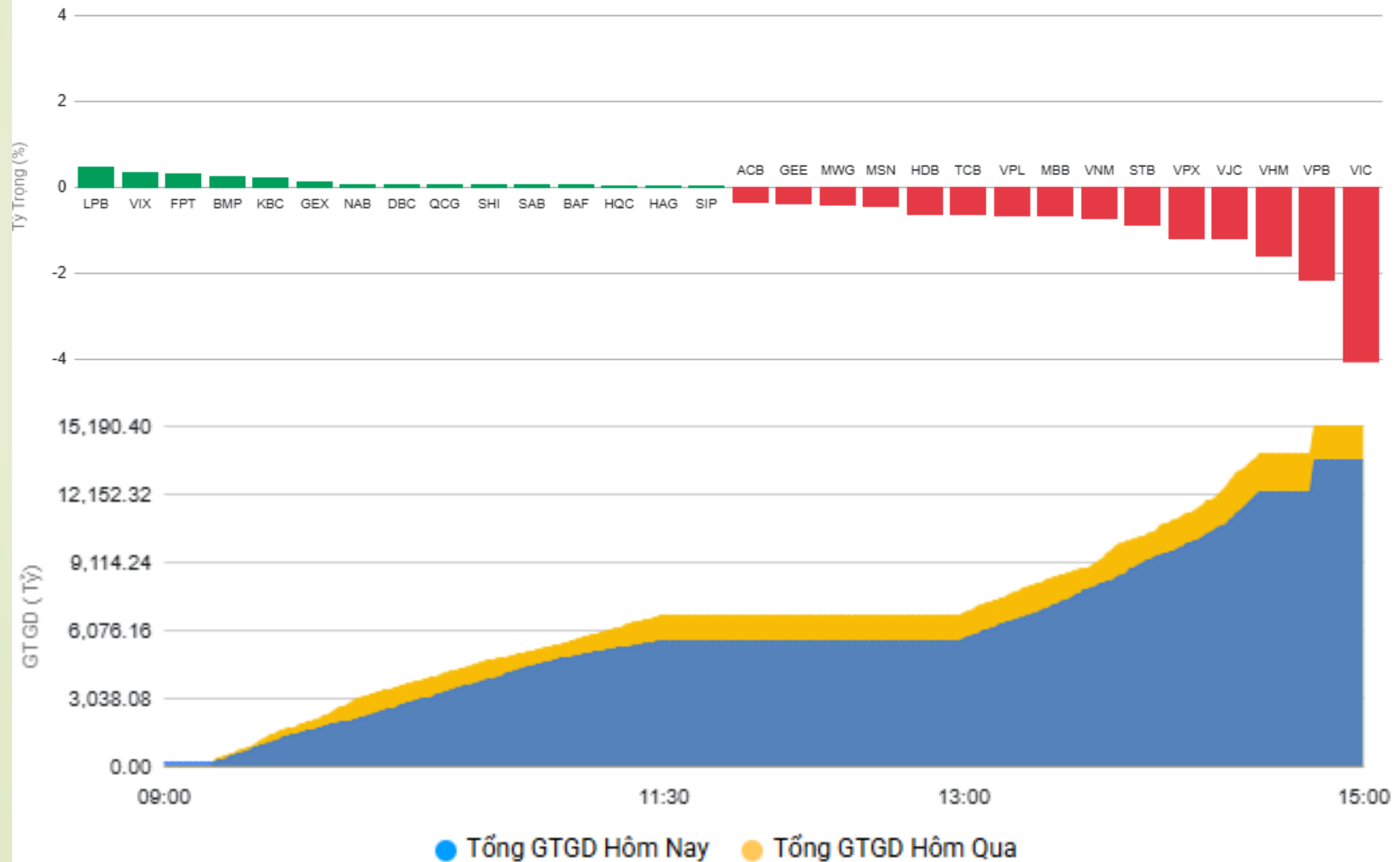
Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
AVC	12/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
VC2	12/12/2025	12/12/2025	Phát hành cổ phiếu	10.00%	1,000
PTB	12/12/2025	12/12/2025	Phát hành cổ phiếu	5:1	12,000
THP	12/12/2025	05/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3.00%	300
PVM	12/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
TVT	12/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
BCF	15/12/2025	23/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.00%	1,200
HJS	15/12/2025	23/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
IDV	15/12/2025	09/01/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00	1,000
WCS	15/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	166.66%	16,666
CAT	16/12/2025	08/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
CAT	16/12/2025	16/12/2025	Phát hành cổ phiếu	2:1	10,000
BQP	16/12/2025	16/12/2025	Phát hành cổ phiếu	30:7	15,000
EME	16/12/2025	23/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
NTL	16/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
VCS	16/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18.00%	1,800
DVC	17/12/2025	12/01/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7.00%	700
TV2	17/12/2025	26/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
VSI	17/12/2025	30/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
FT1	18/12/2025	20/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	51.42%	5,142
HTG	18/12/2025	19/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
SIV	19/12/2025	22/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (11/12/2025)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	28,150	-3.0%	Link	Link
TPB	01/07/2024	12/09/2025	17,350	21,619	16,800	28.7%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/08/2025	21,250	32,200	33,400	-3.6%	Link	Link
MBB	29/08/2024	13/08/2025	24,850	28,500	24,850	14.7%	Link	Link
ACB	23/09/2024	01/08/2025	25,650	31,500	23,950	31.5%	Link	Link
HDB	15/10/2024	28/08/2025	27,150	35,300	31,750	11.2%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	50,650	50,100	1.1%	Link	Link
VCB	24/02/2025	02/10/2025	93,100	70,800	57,600	22.9%	Link	Link
BID	20/03/2025	10/10/2025	39,800	44,650	37,600	18.8%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	26,550	15.7%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	16,400	7.9%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	15,600	12.7%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	34,800	29.3%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	32,500	29.2%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	18,000	15.6%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	9,750	23.1%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	33,950	19.3%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	29,500	1.7%	Link	Link
HAH	31/03/2025	12/08/2025	52,800	69,420	58,600	18.5%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	101,100	-13.7%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	47,700	5.9%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	58,000	26.4%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	25,000	7.9%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	21,200	18.6%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	21,150	-11.6%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	18,000	21.5%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	65,200	27.3%	Link	Link
VCG	29/08/2025		25,550	30,000	24,350	23.2%	Link	Link
CTD	24/09/2025		81,900	94,400	84,000	12.4%	Link	Link



Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.